

UBND PHƯỜNG XUÂN PHƯƠNG
TRƯỜNG TIỂU HỌC XUÂN PHƯƠNG

Biểu 02

THÔNG BÁO

Công khai thông tin cơ sở vật chất của Trường Tiểu học Xuân Phương năm học 2026 - 2027

ST T	Nội dung	Số lượng	Bình quân
I	Số phòng học/số lớp	62	1,2 m ² /học sinh
II	Loại phòng học		-
	Phòng học kiên cố	62	-
III	Số điểm trường	02	-
IV	Tổng diện tích đất (m²)	20.400 m ²	
V	Diện tích sân chơi, bãi tập (m²)	5.300 m ²	
VI	Tổng diện tích các phòng		
1	Diện tích phòng học (m ²)	55 m ²	
2	Diện tích phòng chuẩn bị (m ²)		
3	Diện tích 2 phòng thư viện (m ²)	466 m ²	
4	Diện tích nhà đa năng (Phòng giáo dục rèn luyện thể chất) (m ²)	1.026 m ²	
5	Diện tích phòng Tin học (m ²)	228 m ²	
6	Diện tích phòng Ngoại ngữ (m ²)	109 m ²	
7	Diện tích phòng Âm nhạc (m ²)	111 m ²	
8	Diện tích phòng Mỹ thuật (m ²)	264 m ²	
VII	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu (Đơn vị tính: bộ)		Số bộ/lớp
1	Khối lớp 1	11	
2	Khối lớp 2	12	
3	Khối lớp 3	11	
4	Khối lớp 4	14	
5	Khối lớp 5	12	
VII I	Tổng số máy vi tính đang được sử dụng phục vụ học Tiếng Anh (Đơn vị tính: bộ)	36	
IX	Tổng số thiết bị		
1	Tivi	19	
2	Cát sét	02	
3	Đầu Video/đầu đĩa	03	
4	Máy chiếu projector	63	
5	Máy chiếu vật thể	27	
6	Bộ âm thanh phục vụ lớp 1	6	
7	Đàn	20	
8	Giá vẽ	66	
9	Máy tính	87	
10	Máy in	15	

11	Máy Photocopy	1	
12	Điều hòa	187	
	Nội dung	Số lượng (m ²)	
X	Nhà bếp	240 m ²	
XI	Nhà ăn	1.104 m ²	

	Nội dung	Số lượng phòng, tổng diện tích (m ²)	Số chỗ	Diện tích bình quân/chỗ
XII	Phòng nghỉ cho học sinh bán trú			1 m ² / chỗ
XIII	Khu nội trú			

XIV	Nhà vệ sinh	Dùng cho giáo viên	Dùng cho học sinh		Số m ² /học sinh	
			Chung	Nam/Nữ	Chung	Nam/Nữ
1	Đạt chuẩn vệ sinh*	14		55		
2	Chưa đạt chuẩn vệ sinh*					

(*Theo Thông tư số 15/2026/TT-BGDĐT ngày 24/3/2026 của Bộ GDĐT Ban hành Điều lệ Trường tiểu học, THCS, THPT và Quyết định số 878//QĐ-BGD&ĐT ngày 01/3/2021 của Bộ GDĐT quy định ban hành thiết kế mẫu nhà vệ sinh cho các cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông)

		Có	Không
XV	Nguồn nước sinh hoạt hợp vệ sinh	Có	
XVI	Nguồn điện (lưới, phát điện riêng)	Có	
XVII	Kết nối internet (ADSL)	Có	
XVIII	Trang thông tin điện tử (website) của trường	Có	
XIX	Tường rào xây	Có	

Xuân Phương, ngày 01 tháng 10 năm 2026

HIỆU TRƯỞNG



Lê Thị Tuyết Lan

Xuân Phương, ngày 01 tháng 10 năm 2026

THÔNG BÁO
KẾT QUẢ KIỂM TRA CƠ SỞ VẬT CHẤT PHỤC VỤ CÔNG TÁC
DẠY VÀ HỌC, NĂM HỌC 2026-2027

1. Đặc điểm tình hình

Trường Tiểu học Xuân Phương có Điểm trường chính tại địa chỉ TDP số 5, KĐT Viglacera, phường Xuân Phương và Phân hiệu 1 tại địa chỉ ngõ 40 phố Do Nha, TDP số 20 Miêu Nha, phường Xuân Phương. Năm học 2026-2027, nhà trường có 60 lớp với tổng số 2653 học sinh và 118 cán bộ, giáo viên, nhân viên.

2. Kết quả kiểm tra, xác minh

2.1. Cơ sở vật chất

*** Điểm trường chính:**

a. Diện tích khuôn viên: Tổng diện tích đất toàn trường: 8.580 m² (bình quân 6,29 m²/hs) đáp ứng tiêu chuẩn trường học hiện nay.

- Trang thiết bị đồ dùng phục vụ cho dạy học: Được trang bị đầy đủ.

b. Khối phòng học

- Phòng học: 30 phòng. Bình quân diện tích 1,2m²/HS (So với chuẩn 1,25m²/HS thì gần đạt yêu cầu).

+ Tỷ lệ phòng học/lớp: 30/29

+ Công trình vệ sinh: 34

c. Phòng Hành chính quản trị:

Gồm 9 phòng, chất lượng các phòng đảm bảo phục vụ công tác Hành chính, quản trị. Cụ thể như sau:

- Lãnh đạo trường : 02 phòng
- Văn phòng : 01 phòng
- Kế toán : 01 phòng
- Phòng HĐSP : 01 phòng
- Phòng Công đoàn : 01 phòng
- Phòng Y tế : 01 phòng. Diện tích: 26m²
- Phòng trực, bảo vệ : 01 phòng
- Kho : 01 Diện tích 26m²

d. Khối phòng phục vụ học tập

Gồm 51 phòng, chất lượng các phòng đảm bảo phục vụ học tập và giảng dạy. Cụ thể như sau:

- Phòng học: 30 phòng, diện tích TB 56m²/phòng
- Phòng giáo dục thể chất hoặc đa năng : 01 phòng, diện tích 456m²
- Phòng giáo dục nghệ thuật : 01 phòng, diện tích 156m²
- Phòng học ngoại ngữ : 12 phòng, diện tích TB: 34m²/phòng
- Phòng máy tính: 02 phòng, diện tích TB 78m²/ phòng (Số máy vi tính 87 máy)
- Phòng Âm nhạc: 02 phòng, diện tích TB 56m²/phòng
- Phòng Đàn: 01 phòng, diện tích 68m²
- Thư viện: 02 phòng, diện tích 290m². Số đầu sách: 9857 cuốn.
- Kinh phí trang bị sách hằng năm: Theo đúng quy định của TCKH
- Phòng thiết bị giáo dục: 02 phòng, 104m².
- Phòng truyền thông và hoạt động Đội: 01 phòng, diện tích 52m²



e. Khu nhà ăn, nhà nghỉ đảm bảo điều kiện sức khỏe cho học sinh học bán trú: 01 nhà ăn, diện tích 540m²

f. Khu đất làm sân chơi, sân tập: diện tích 3500m²

g. Khu vệ sinh:

- Khu vệ sinh GV: 08 phòng, diện tích 96m²

- Khu vệ sinh HS: 26 phòng, diện tích 312m²

- Hệ thống cấp thoát nước: được thiết kế ngầm đảm bảo an toàn không rò rỉ, hệ thống thoát nước đảm bảo không tắc, không bốc mùi, ...

h. Khu để xe cho học sinh và giáo viên: 4 khu để xe, diện tích 180m²

i. Các thống kê khác trong các phòng lớp học:

- Bàn GV: 45 chiếc;

- Ghế GV: 45 chiếc;

- Ghế học sinh: 1737 chiếc;

- Bàn học sinh: 916 chiếc;

- Ghế inox: 1466 chiếc;

- Máy đa vật thể: 21 chiếc;

- Máy chiếu: 39 chiếc;

- Tivi: 9 chiếc;

- Quạt điện: 0 chiếc;

- Quạt trần: 194 chiếc;

- Điều hoà: 92 chiếc;

- Bóng điện: 751 chiếc

*** Phân hiệu 1:**

a, Diện tích khuôn viên: Tổng diện tích đất toàn trường: 11800 m² (bình quân 8,75 m²/hs) đáp ứng tiêu chuẩn trường học hiện nay.

- Trang thiết bị đồ dùng phục vụ cho dạy học: Được trang bị đầy đủ.

b. Khối phòng học

- Phòng học: 32 phòng. Bình quân diện tích 1,2m² /HS (So với chuẩn 1,25m²/HS thì gần đạt yêu cầu).

+ Tỷ lệ phòng học/lớp: 32/31

+ Công trình vệ sinh: 21 khu

c. Phòng Hành chính quản trị:

Gồm 6 phòng, chất lượng các phòng đảm bảo phục vụ công tác Hành chính, quản trị. Cụ thể như sau:

- Lãnh đạo trường : 01 phòng

- Phòng HĐSP : 01 phòng

- Phòng Công đoàn : 01 phòng

- Phòng Y tế : 01 phòng. Diện tích: 26m²

- Phòng trực, bảo vệ : 01 phòng

- Kho : 01. Diện tích 26m²

d. Khối phòng phục vụ học tập

Gồm 51 phòng, chất lượng các phòng đảm bảo phục vụ học tập và giảng dạy. Cụ thể như sau:

- Phòng học: 32 phòng, diện tích TB 55m²/phòng

- Phòng giáo dục thể chất hoặc đa năng : 01 phòng, diện tích 564m²

- Phòng giáo dục nghệ thuật : 01 phòng, diện tích 108m²

- Phòng học ngoại ngữ: 1 phòng, diện tích TB: 75m²/phòng

- Phòng máy tính: 02 phòng, diện tích TB 150m² / phòng (Số máy vi tính 87 máy)

- Phòng Âm nhạc: 01 phòng, diện tích 55m²

- Phòng Đàn: 01 phòng, diện tích 108m²

- Thư viện: 02 phòng, diện tích 176m². Số đầu sách: 11857 cuốn.

Kinh phí trang bị sách hằng năm: Theo đúng quy định của TCKH.

- Phòng thiết bị giáo dục: 01 phòng, 45m².

- Phòng truyền thống và hoạt động Đội: 01 phòng, diện tích 23m²
- e. Khu nhà ăn, nhà nghỉ đảm bảo điều kiện sức khỏe cho học sinh học bán trú: 01 nhà ăn, diện tích 564m²
- f. Khu đất làm sân chơi, sân tập: diện tích 1800m²
- g. Khu vệ sinh:
 - Khu vệ sinh GV: 06 phòng, diện tích 72m²
 - Khu vệ sinh HS: 36 phòng, diện tích 432m²
 - Hệ thống cấp thoát nước: được thiết kế ngầm đảm bảo an toàn không rò rỉ, hệ thống thoát nước đảm bảo không tắc, không bốc mùi, ...
- h. Khu để xe cho học sinh và giáo viên: 2 khu để xe, diện tích 100m²
- i. Các thống kê khác trong các phòng lớp học:
 - Bàn GV: 48 chiếc;
 - Ghế GV: 48 chiếc;
 - Ghế học sinh: 1640 chiếc;
 - Bàn học sinh: 820 chiếc;
 - Máy chiếu: 24 chiếc;
 - Tivi: 10 chiếc;

2.2. Cảnh quan trường học (Cổng trường, bảng tên trường, tường rào, cây xanh, tạo bóng mát,...).

- Cổng trường đảm bảo chiều cao, an toàn, xe chữa cháy có thể đi vào (chiều cao: 3,66m, chiều rộng: 6,4m)
- Bảng tên có theo quy định
- Tường rào cao 2,3m được gia cố thép gai...
- Hệ thống cây xanh trong khuôn viên được chăm bón, cắt tỉa đảm bảo môi trường sư phạm học đường.

2.3. Hồ sơ sổ sách quản lý tài sản nhà trường:

- a. Các sổ sách tài sản lưu trữ gồm: Sổ đồ dùng, sổ tài sản, sổ cho mượn
- b. Việc cập nhật sổ sách tài sản: Tài sản được cập nhật định kỳ vào đầu năm học, cuối HK1, cuối năm học và cập nhật thường xuyên hàng ngày. Tuy nhiên, cán bộ phụ trách cần lưu ý lưu giữ thông tin và các cập nhật thường xuyên đúng tiến độ hơn.
- c. Việc quản lý, sử dụng tài sản: Đ/c Phó Hiệu trưởng quản lý và nhân viên phụ trách.

2.4. Kinh phí cho cơ sở vật chất mua sắm trang thiết bị dạy học: Theo kinh phí hàng năm

3. Kết luận những nội dung đã tiến hành kiểm tra

- CSVC kĩ thuật của trường cơ bản được đảm bảo để phục vụ công tác dạy và học.

Tuy nhiên, cần lưu ý 1 số nội dung sau:

- Một số vị trí trên phòng Thư viện còn ẩm ướt, ảnh hưởng đến việc đọc sách của HS.
- Nhà tắm chất nóng, hệ thống làm mát chưa đảm bảo; trời mưa to còn thấm dột.
- Khu sân chơi có dụng cụ của học sinh chưa có thảm lót cao su nên tính an toàn chưa cao.
- Hồ sơ cơ sở vật chất kĩ thuật đầy đủ nhưng cập nhật thường xuyên chưa đúng tiến độ.
- Quản lý và sử dụng CSVC đúng mục đích, không để thất thoát tài sản.

4. Các biện pháp xử lý theo thẩm quyền đã áp dụng (nếu có): Không

5. Kiến nghị các biện pháp xử lý

- Xử lý các vị trí thấm dột để hoạt động học tập của HS diễn ra an toàn, hiệu quả.
- Bổ sung thảm lót cao su khu sân chơi để bảo đảm an toàn cho học sinh.
- Hồ sơ lưu giữ thông tin và các cập nhật thường xuyên những thay đổi về cơ sở vật chất kĩ thuật cần đúng tiến độ hơn./.



Lê Thị Tuyết Lan



